QUY HOẠCH KHÔNG GIAN VÀ QUẢN TRỊ NƯỚC
Spatial Planning and Water Governance

TS. Phạm Sỹ Liêm
Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Mở đầu

Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới lần thứ 132 sắp tới tại Hà Nội dự định sẽ ra một Nghị quyết về vấn đề hành động của Nghị viện trong Quản trị Nước (Water Governance) nhằm thực hiện Quyền con người về Nước và Vệ sinh được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua năm 2010. Tại Hội nghị trù bị dự thảo Nghị quyết này, TS Elodie Tranchez[1] nêu ra quan điểm cho rằng việc Quản trị Nước, như một ưu tiên quốc gia nhằm thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) trong giai đoạn sau năm 2015, phải dựa trên 3 nguyên tắc là: i) Quyền có Nước an toàn và phổ cập (affordable); ii) Phát triển cách tiếp cận tích hợp (integrated approach) về quản lý nước; và iii) Tập trung rõ rệt (clear focus) vào xử lý nước thải.

Công cụ hữu hiệu để Quản trị Nước theo 3 nguyên tắc trên chính là Quy hoạch không gian nhằm thể hiện Chính sách Nước quốc gia trong từng giai đoạn phát triển 10-15 năm với tầm nhìn xa hơn nữa. Vì vậy, cần làm rõ mối quan hệ giữa quy hoạch không gian và quản trị nước.

Quản trị nước là gì?

Theo định nghĩa của SIWI (Viện Nước quốc tê Stockholm), ***quản trị nước*** là việc các hệ thống chính trị, xã hội, kinh tế và hành chính hiện hành tác động trực tiếp hay gián tiếp đến việc sử dụng, phát triển và quản lý các tài nguyên nước, và việc cung ứng dịch vụ nước bởi các cấp chính quyền khác nhau.

Cũng theo SIWI, trong số các nội dung quản trị nước có 3 chủ đề quan trọng hàng đầu là:

1) Công bằng và hiệu quả trong phân bổ (allocation), phân phối (distribution) dịch vụ nước; quản trị nước theo khu vực hội thủy (catchment); sự cần thiết phải tiếp cận theo phương thức quản lý tích hợp nước; và sự cần thiết phải cân đối nước cho các hoạt động kinh tế-xã hội và các hệ thống sinh thái.

[1] Elodie Tranchez.*Water Governance: National Challenges & Opportunities.* 15 October. Panel on Water: IPU Second Standing Committee.

2) Xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp lý và thể chế về nước.
3) Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của chính phủ, của xã hội dân sự và khu vực tư nhân liên quan tới quyền sở hữu, quản lý và quản trị hành chính các tài nguyên nước và các dịch vụ hữu quan.

Nội dung thứ nhất nói trên chỉ ra các thách thức to lớn đứng trước nhiệm vụ quản trị nước quốc gia là: i) bảo đảm cho mọi người dân, nhất là những nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, phụ nữ và dân tộc thiểu số, được tiếp cận nước sạch và các dịch vụ vệ sinh thông qua việc phát triển mạng dịch vụ cấp nước và vệ sinh công bằng và hiệu quả; ii) nhận rõ tầm quan trọng của khu vực hội thủy, chủ yếu là các lưu vực sông, đối với quản trị nước; iii) quản trị nước theo cách "tích hợp" nhằm khắc phục tình trạng đưa ra các quyết định rời rạc, tách biệt hoặc chồng chéo theo ngành và theo địa giới hành chính; và iii) vượt qua sự cạnh tranh trong dùng nước để phân bổ hợp lý tài nguyên nước đáp ứng mọi nhu cầu trong sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và môi trường sinh thái. Ngoài ra, ngày nay kinh tế biển trở nên ngày càng quan trọng, vì vậy không chỉ tài nguyên nước ngọt mà cả nước biển đều có tầm quan trọng đối với khu vực ven biển, thường là nơi phát triển, đô thị hóa nhanh nhưng chịu nhiều tác động của biến đổi khí hâu. Để bao quát được các nhân tố kể trên trong quản trị nước và thể hiện các chương trình và chính sách phát triển trên mặt bằng lãnh thổ, chính quyền các cấp lập ra quy hoạch không gian (spatial planning).

Về từ ngữ "Quản trị"(Governance)

Trong tiếng Việt, "quản trị" là từ đôi khi được dùng chung với cụm từ "quản lý nhà nước" để dịch từ "governance" trong tiếng Anh, vốn đã tồn tại từ lâu để chỉ chức năng "cai trị", "thống trị" của bộ máy chính quyền hoặc chức năng "quản trị" một tổ chức, từ đó mà có từ "government" (chính phủ) và "governor" (Toàn quyền/Thống sứ thời Pháp thuộc, hay Thống đốc Ngân hàng ngày nay). Sau Thế chiến II, các tổ chức phát triển quốc tế ban đầu tránh dùng từ này vì dễ gây ấn tượng không hay do quá khứ thực dân, đế quốc để lại, và dùng từ "quản lý" (management) mượn của khu vực kinh doanh, tuy không đủ ý. Chỉ đến năm 1989 từ "governance" mới được dùng trở lại trong một văn bản của LHQ về ứng phó thiên tai nhưng với nghĩa mới là "các quá trình tương tác và ra quyết định giữa các bên có liên quan đến một vấn đề tập thể, dẫn đến việc tạo lập, tăng cường, hoặc áp dụng các tiêu chuẩn xã hội và các thể chế"(Wikipedia). Từ những năm 1990, từ này được dùng ngày càng phổ biến trong các văn kiện của LHQ, ÌMF và WB và dịch sang tiếng Việt bằng cụm từ "quản lý nhà nước", rồi gần đây thấy hơi dài dòng nên có lúc được dịch bằng từ "quản trị", trùng với từ Việt để dịch từ Anh "administration". Các học giả Trung Quốc cũng lúng túng khi dịch từ này nên họ đặt ra từ mới là "trị lý", rồi từ này cũng được đưa vào văn bản chính thức của Quốc vụ viện. Tôi nghĩ các nhà lập pháp nước ta nên tham khảo áp dụng từ Hán Việt này để "chính danh" hơn, như chúng ta đã dùng vô số từ Hán Việt mới về khoa học-công nghệ, kinh tế, xã hội, quân sự và chính trị.

Nội dung thứ hai và thứ ba có liên quan đến việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch nước.

Quy hoạch không gian ở Việt Nam

Quy hoạch không gian gồm các *quy hoạch tổng thể* (comprehensive planning) như quy hoạch lãnh thổ quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị-nông thôn, và các *quy hoạch ngành* (sector planning) như quy hoạch cấp nước và thoát nước đô thị, quy hoạch thủy lợi… Để quy hoạch của các ngành (thực ra là phân ngành) riêng rẽ phối hợp bổ sung cho nhau và không chồng chéo với nhau, ngày nay người ta lập *quy hoạch tích hợp* cho nhiều ngành có liên quan, như quy hoạch lưu vực sông, hay quy hoạch giao thông bao quát cả đường không, đường bộ, đường sắt, đường thủy và cảng.

Có nhiều bộ tham gia quản trị tài nguyên nước theo chức năng được phân công.

Ở nước ta, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định về quy hoạch đô thị, còn Luật Đất đai năm 2013 quy định về quy hoạch sử dụng đất. Các quy hoạch ngành được quy định trong các luật chuyên ngành , như Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, Luật Đê điều năm 2006 v.v. Còn trong Luật Xây dựng nước ta năm 2014, quy hoạch không gian được gọi là quy hoạch xây dựng, gồm 4 loại sau: i) Quy hoạch vùng; ii) Quy hoạch đô thị; iii) Quy hoạch khu chức năng đặc thù; và iv) Quy hoạch nông thôn. Như vậy Luật đã loại bỏ quy hoạch ngành ra khỏi quy hoạch xây dựng! (Chú: "Quy hoạch xây dựng" là cách gọi đặc thù của Việt Nam, quốc tế không có từ tương đương). Hy vọng Luật Quy hoạch đang trong quá trình soạn thảo để trình Quốc hội sẽ khắc phục được các hạn chế này.

Nước trong các quy hoạch không gian

Các cách tiếp cận khác nhau trong quản lý và quản trị nước có thể quy thành 4 nhóm sau đây[2]:

1) Nước (cấp thoát nước, vệ sinh, tái chế và tái sử dụng) được xem là một loại hàng hóa kinh tế (economic good/commodity), cần được quản lý tích hợp về mặt tài nguyên (Hội nghị quốc tế về Nước và Môi trường tại Dublin năm 1992).
2) Nước (và vệ sinh) được xem là quyền con người và một loại hàng hóa xã hội (social good) (Đại hội đồng LHQ lần thứ 28).
3) Nước (kể cả thoát nước và chất thải sinh hoạt) được xem là một loại hàng hóa sinh thái-xã hội (socio-ecological good) vừa cần cho đời sống con người

[2] Liliana Miranda & others. *Water Governance Key Approaches: An analytical Framework. Literature Review.* July 2011.

vừa thuộc các hệ sinh thái, là tài nguyên thiên nhiên hữu hạn và dễ bị tổn thương (Hiến pháp Ecuador năm 2008).

4) Nước (và đôi khi cả vệ sinh) được xem là một *ngành,* trong đó nước vừa là hàng hóa kinh tế vừa là tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo, cần được quản lý một cách tích hợp, công bằng và hiệu quả. Đây là cách tiếp cận truyền thống, chú trọng đầu tư hạ tầng và cung ứng dịch vụ nước theo lưu vực sông.

Ngày nay, cách tiếp cận sau cùng này thường được vận dụng trong quy hoạch nước (water / water resource planning), sau khi đã bổ sung thêm một số yếu tố từ các các cách tiếp cận khác.

Quy hoạch dựa trên dự báo, nhưng dự báo chính xác lượng nước mưa và lưu lượng nước sông theo thời gian, kể cả lượng nước bốc hơi, thực sự là thách thức lớn, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. Mặt khác, tuy tài nguyên nước Việt Nam tương đối dồi dào nếu so với nhiều khu vực khan hiếm nước như Châu Úc, Bắc Phi và Trung Đông v.v., nhưng phần lớn nước hai con sông chính Hồng Hà và Cửu Long lại từ ngoài biên giới chẩy vào, do đó phụ thuộc rất lớn vào tình hình sử dụng nước của các quốc gia thượng nguồn.

Do đặc điểm địa lý và địa chất thủy văn nên một số vùng nước ta lại khan hiếm nước, như cực Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Cao nguyên Đồng Văn v.v. vào mùa khô. Vùng ven biển Miền Trung nước lũ lên rất nhanh do sông có độ dốc lớn. Cũng do sông suối khe có độ dốc lớn nên vùng núi Bắc Bộ thường xẩy lũ quét rất tai hại, như các trận lũ quét năm 1990 ở thị xã Lai Châu và năm 1991 ở thị xã Sơn La.

Nhiều vùng nước ta có nguồn nước ngầm tuy phong phú nhưng do đô thị hóa nhanh nên không đủ đáp ứng nhu cầu cấp nước đô thị. Hơn nữa, do bị khai thác quá mức nên phạm vi nhiễm mặn ngày càng tiến sâu vào đất liền, như ở Châu thổ sông Hồng giới hạn nhiễm mặn đã tiến đến Hưng Yên! Mặt khác, vừa do chế độ thủy văn dòng sông thay đổi và có thể do cả mực nước biển dâng nên tại nhiều trạm bơm nước sông trong hệ thống cấp nước đô thị ven biển dã bị nhiễm mặn (như Huế, Đà Nẵng), còn nước ngọt tại nhiều vùng nông nghiệp ven biển Nam Bộ cũng bị xâm nhập mặn sâu vào đất liền.

Cũng do đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh nhưng không được kiểm soát chặt chẽ nên nhiều dòng sông đã bị ô nhiễm nặng do nước thải đô thị và công nghiệp, như sông Cầu, sông Nhuệ, sông Đồng Nai. Ở đồng bằng sông Cửu Long, tình trạng ô nhiễm nước sông do nuôi trồng thủy sản, do chất thải rắn như vỏ trấu các nhà máy xay lúa đổ xuống sông đang đe dọa sức khỏe người dân sống trên sông và hai

bên sông. Trong quá trình đô thị hóa, một số đô thị du lịch và công nghiệp ven biển ngày càng phát triển, nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp ra biển ngày càng nhiều, khiến chất lượng nước biển ven bờ bị suy thoái. Tình trạng ô nhiễm nước biển do nuôi trồng hải sản cũng đe dọa Vịnh Hạ Long, di sản văn hóa thế giới.

Trong quy hoạch không gian, dù là quy hoạch ngành hay quy hoạch tổng thể, trước tiên cần xem xét lượng và chất của các loại nguồn nước có thể huy động nhằm đáp ứng nhu cầu của mục tiêu quy hoạch (đời sống, kinh tế, cảnh quan, môi trường sinh thái) để có sự phân bổ nguồn nước và cung ứng dịch vụ nước hợp lý, công bằng và hiệu quả. Dựa trên cơ sở đó, quy hoạch đề xuất phải đầu tư xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng ngành nước phục vụ cho cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải và phòng chống các tai họa do nước gây ra như hạn hán, lũ lụt. xói lở bờ sông, bờ biển. Không chỉ có thế, quy hoạch còn xem xét tương tác giữa tài nguyên nước với tài nguyên đất và rừng, và tác động của các hoạt động xây dựng, chẳng hạn việc san lấp hồ ao, lấn biển, hay xây dựng công trình tại các vùng dễ bị ngập lụt, hoặc quan hệ giữa xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt với dòng chảy tự nhiên của nước mưa hay của dòng sông. Quy hoạch cũng phải lường trước hậu quả khi có sự cố đê, đập để lựa chọn phương án địa điểm và quy mô tối ưu cho các loại công trình này, và cả hậu quả của các sự cố công nghệ có thể gây ra cho môi trường nước (tràn dầu, hóa chất độc hại, chất phóng xạ v.v.) để lựa chọn địa điểm thích hợp cho các khu công nghiệp. Trong quy hoạch các hồ chứa nước lớn, cần xem xét kỹ điều kiện địa chất công trình vì có khả năng gây ra động đất kích thích, có khi với cường độ cao. Tóm lại, quy hoạch tổng thể vùng và quy hoạch tích hợp lưu vực sông phải trở thành công cụ hiệu quả để quản trị nước.

Chú. "Quy hoạchtổng hợp" và "Quy hoạch tích hợp"

Quy hoạch tổng hợp/quy hoạch tổng thể (Comprehensive Planning) có chức năng thể hiện chiến lược quản lý tài nguyên và phát triển kinh tế-xã hội của một vùng lãnh thổ (quốc gia, vùng, đô thị, nông thôn) trên mặt bằng lãnh thổ đó, vì vậy còn được xem là "phiên bản địa lý" của chiến lược phát triển.

Quy hoạch tích hợp (integrated planning) có chức năng thể hiện chiến lược phát triển một số ngành (sector) có quan hệ mật thiết với nhau trên cùng mặt bằng lãnh thổ, nhằm bảo đảm tính hệ thống và tính đồng bộ trong quá trình phát triển các ngành đó.

Trong quy hoạch đô thị, vấn đề quy hoạch hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh có vai trò rất quan trọng. Khi lựa chọn địa điểm cho các công trình xử lý nước thải, rác thải, và cả nghĩa trang, cần chú ý đến phản ứng NIMBY (No In My Back Yard/Không được ở sân sau nhà tôi) rất phổ biến tại các nước và cả ở nước ta. Chi

phí xây dựng các hệ thống này thường đắt gấp đôi hệ thống cấp nước của một đô thị, lại cần nhiều năng lượng và chi phí, đòi hỏi phải có nhân lực quản lý trình độ chuyên nghiệp cao. Hiện nay một số nước khuyến khích mô hình xử lý nước thải phân tán và kết hợp cống thoát nước mưa với nước thải để dùng nước mưa rửa sạch cống (hiện nay nhiều nước dùng hai hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng rẽ).

Quy hoạch lưu vực sông

Quy hoạch lưu vực sông ở nước ta bao gồm quy hoạch tích hợp lưu vực sông và các quy hoạch chuyên ngành/chuyên đề hẹp, chẳng hạn sông Cầu có các quy hoạch thủy lợi, quy hoạch thoát nước và quy hoạch quản lý chất thải rắn, sông Mã có quy hoạch thủy lợi và quy hoạch chuyên đề về phân bổ tài nguyên nước. Theo đánh giá mới đây của Bộ KH&ĐT khi dự thảo Luật Quy hoạch theo chỉ thị của Bộ Chính trị thì các quy hoạch chuyên ngành và chuyên đề hẹp tách biệt như vậy rất tốn kém, có nhiều nhược điểm và thường không có hiệu lực, còn quy hoạch tổng hợp lưu vực sông thì lại lúng túng về thể chế quản lý, vì trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức lưu vực sông (River Basin Organisation/RBO) vừa hạn chế vừa không rõ ràng.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy quy hoạch lưu vực sông là công cụ thích hợp để quản lý tích hợp tài nguyên nước (Integrated River Basin Management/IRBM) nếu có tổ chức lưu vực sông đủ quyền lực, điển hình là Cục Thung lũng Tennessee (Tennessee Valley Authority/TVA) nổi tiếng thế giới do quản lý có hiệu quả việc quy hoach và thực hiện các dự án nước chủ yếu trong lưu vực sông Tennessee (Hoa Kỳ) từ năm 1930 thế kỷ trước, đem lại phồn vinh cho cả một vùng rộng lớn.

Vì vậy mong Chính phủ quan tâm khắc phục tình trạng manh mún, bản vị cục bộ trong quy hoạch lưu vực sông hiện nay khá tốn kém.

Công trình hạ tầng nước

Quy hoạch là cơ sở để lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng nước. Các dự án đầu tư loại này thường cần nguồn vốn rất lớn, thời hạn kéo dài, cho nên cần được quản lý một cách hiệu quả. Ở các nước, chính quyền thường ủy quyền cho công ty tư vấn giúp mình quản lý dự án công chứ không tự mình quản lý, nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và tính minh bạch. Luật Trung Quốc quy định dự án công có tổng mức đầu tư từ 5 triệu nhân dân tệ trở lên (tương đương 15 tỷ đồng Việt Nam) thì phải thuê tư vấn quản lý. Có thể thuê tư vấn quản lý cả một chương trình, như chương trình quốc gia về cấp nước nông thôn rất tốn kém và hiện có tới khoảng 10% công trình xây ra không có hiệu quả.

Cần so sánh *chi phí vòng đời* (life-cycle cost), tức là tổng số chi phí đầu tư xây dựng cộng với toàn bộ chi phí bảo trì, sửa chữa trong giai đoạn vận hành, để tiến hành *phân tích chi phí-lợi ích* (Cost-Benefit Analysis) nhằm lựa chọn phương án đầu tư và sắp xếp thứ tự ưu tiên khi ra quyết định đầu tư. Các dự án nước cần có tính hệ thống và việc thực hiện dự án phải đồng bộ thì hiệu quả của dự án mới được phát huy tốt (chẳng hạn công trình thủy lợi đầu mối phải đồng bộ với hệ thống kênh mương).

Khi xây dựng công trình hạ tầng nước đập hồ chứa nước, đê ngăn lũ, ngăn triều thì cần có chế độ giám sát và kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng xây dựng, vì an toàn đê đập rất quan trọng đối với sản xuất và các khu dân cư ở hạ lưu.

Cách tiếp cận tích hợp, liên ngành cũng rất cần thiết cho công tác vận hành nhiều loại công trình hạ tầng nước, như hồ chứa đa chức năng: thủy điện, ngăn lũ, tưới nước, thủy sản, vận tải thủy, du lịch… Chính vì năng lực quản lý yếu kém mà nhiều công trình loại này đã không được vận hành hiệu quả, đạt được đầy đủ các mục tiêu đầu tư. Cũng tương tự như vậy, các hoạt động kinh tế trong lưu vực sông và trên dòng sông như sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, du lịch, cấp thoát nước và vệ sinh, tưới tiêu thủy lợi, vận tải thủy, khai thác khoáng sản (vàng sa khoáng, cát xây dựng) v.v. cũng cần được quản lý tich hợp để hỗ trợ nhau, không cản trở và gây thiệt hại lẫn nhau.

Chính sách, thể chế, pháp lý về nước

Chính sách nước là một trong số các cơ sở ban đầu để lập quy hoạch nước, rồi tiếp đó vẫn cần được tiếp tục bổ sung và cụ thể hóa trong giai đoạn tổ chức thực hiện quy hoạch.

Tôi nghĩ hiện nay ở nước ta các chính sách hướng đến các mục tiêu sau đây nên được quan tâm:

1. Giảm thất thoát trong cấp nước đô thị. Hiện nay cả nước có khoảng 500 hệ thống cấp nước đô thị với tổng công suất là 6,7 triệu m^3/ngày, mức độ thất thoát bình quân là khoảng 30%. Nếu giảm được mức độ thất thoát xuống còn 20% như tại các nước khác thì tương đương với tiết kiệm đầu tư phát triển công suất mới khoảng 670 000 m^3/ngày với chi phí khoảng 150 triệu USD! Thực tiễn cho thấy đầu tư giảm thất thoát hiệu quả hơn đầu tư phát triển công suất bổ sung.

   Giảm trợ cấp cho các dịch vụ nước. Có lộ trình thực hiện nguyên tắc "người hưởng lợi và kẻ gây ô nhiễm phải trả tiền" (Beneficiary and

polluter pay principle). Thu đủ cho dịch vụ cấp nước sẽ khiến bên sử dụng không lãng phí nước.

2. Khuyến khích tiết kiệm nước: thu gom nước mưa tại các vùng khô hạn, nhiễm mặn và hải đảo, công nghệ sử dụng nước tiên tiến, tái sử dụng nước thải đã qua xử lý.
3. Chương trình chống ngập khi triều cường cho TP Hồ Chí Minh. Chuyển chính sách ứng phó biến đổi khí hậu tại Đồng bằng Cửu Long thành các Chương trình hành động thiết thực.
4. Đưa xử lý nước thải công nghiệp và đô thị thành một ưu tiên quốc gia.

Thể chế nước cũng cần được bổ sung và hoàn thiện bao gồm:

1. Hoàn thiện thể chế quản lý tích hợp lưu vực sông, trước mắt là các sông đang bị ô nhiễm nặng là sông Cầu, sông Nhuệ, sông Đồng Nai bằng cách giao cho tổ chức lưu vực sông được quyền quản lý đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nước theo quy hoạch, và quyền giám sát và chế tài các vi phạm thông qua cảnh sát môi trường.

   Xây dựng thể chế hợp tác quản lý Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh và Hải Phòng).
2. Xây dựng thể chế quản lý hai vùng đô thị lớn Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, bao gồm cả cấp thoát nước và vệ sinh.
3. Xây dựng thể chế quan hệ đối tác ba bên về nước (Tripartite Water Partnership), gồm chính quyền-khu vực tư nhân-cộng đồng dân cư.
4. Tích cực tham gia Ủy hội Tiểu vùng Mê Kông và cùng với các tỉnh biên giới Trung quốc tiến đến ký kết thỏa thuận về quy hoạch lưu vực sông Hồng. Các thành phố Lao cai và Mông Cái ký thỏa thuận tương tự về phối hợp quản lý các dòng sông biên giới Bắc Luân và Ka Long với các thành phố biên giới Trung Quốc là Hà Khẩu và Đông Hưng.

Khung pháp lý nước cần được rà soát để khắc phục chồng chéo, mâu thuẫn trong các luật, nghị định có liên quan với nước, trước hết là về quy hoạch và đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng nước.

Kết luận

Quy hoạch nước là công cụ quản trị tài nguyên nước theo cách tiếp cận tích hợp và tổng thể nhằm khắc phục các hạn chế của lối quy hoạch manh mún theo từng chuyên ngành hẹp. Trao đổi và học tập các điển hình tốt trong nước và quốc tế là

rất cần thiết để nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch nước.

Ngày 27/11/2014